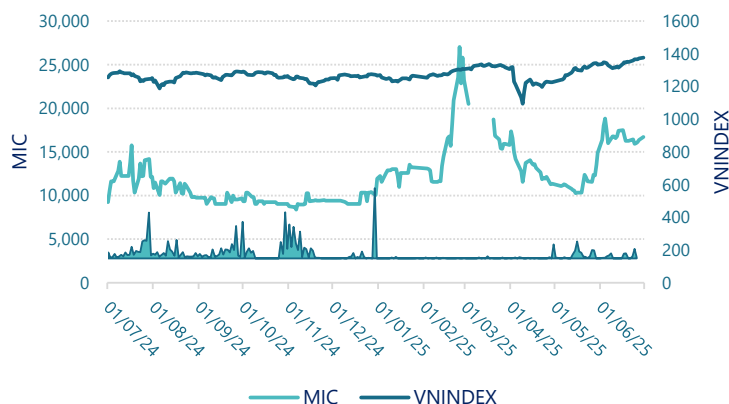


CTCP Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam (HNX: MIC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	25,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	5,514,621
KLGD BQ 20 phiên (CP)	28,110
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	143
P/E	
EPS	

DT thuần

Q2/25

63.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 27.1 | 73.7%

LN sau thuế

Q2/25

6.62

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.07 | 327%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

11.6%

#VALUE!

DT thuần

6T 2025

101

tỷ VNĐ

LN sau thuế

6T 2025

8.17

tỷ VNĐ

ROE

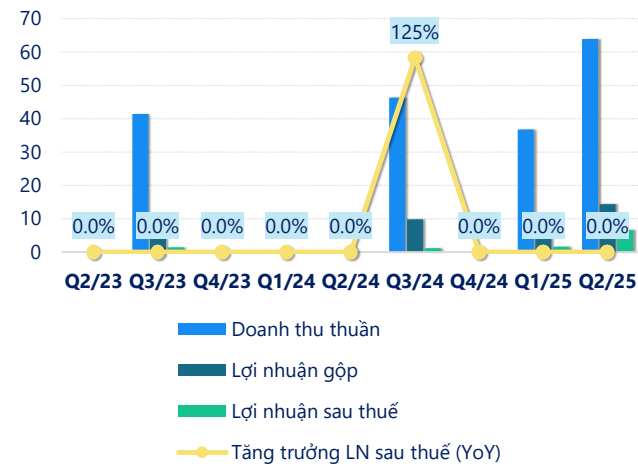
Q2/25

#VALUE!

#VALUE!

tỷ VNĐ

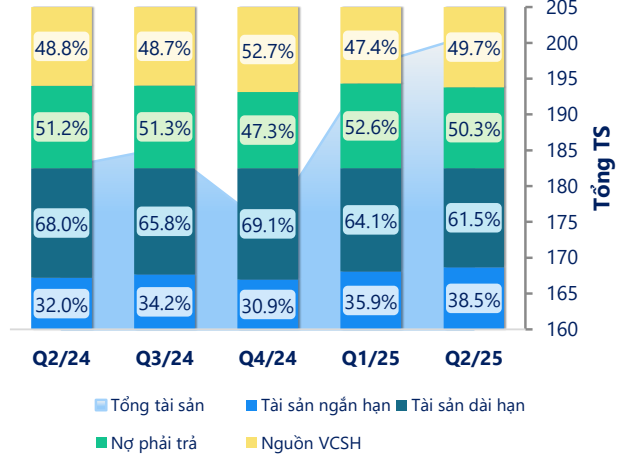
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

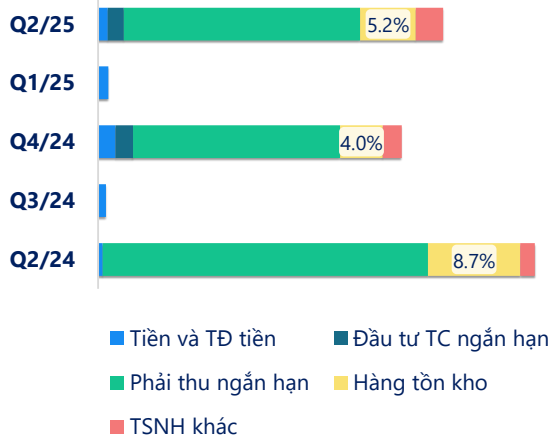
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



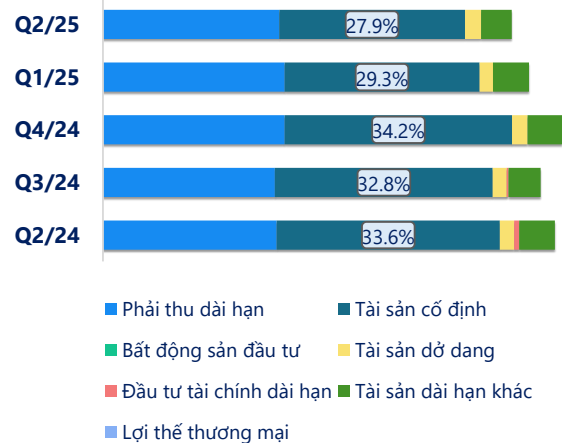
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

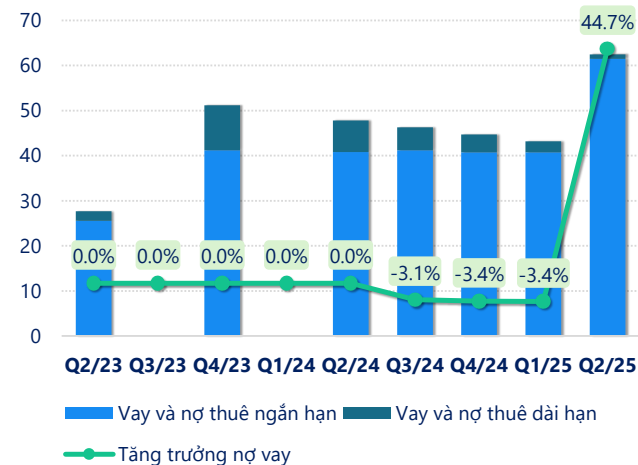
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

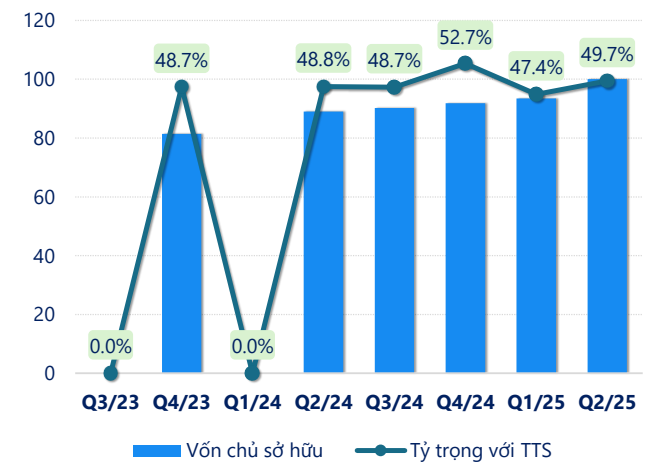
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

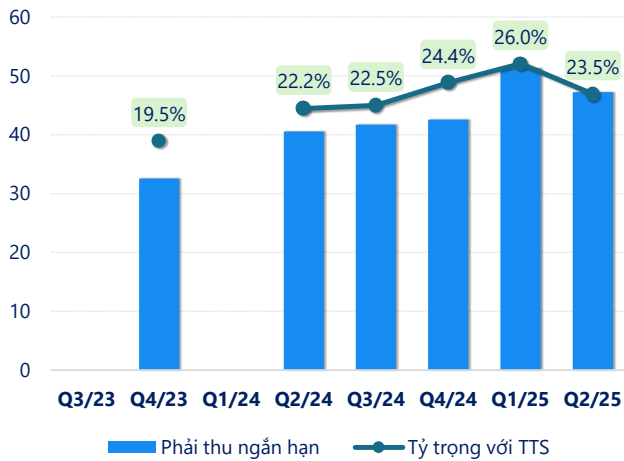
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



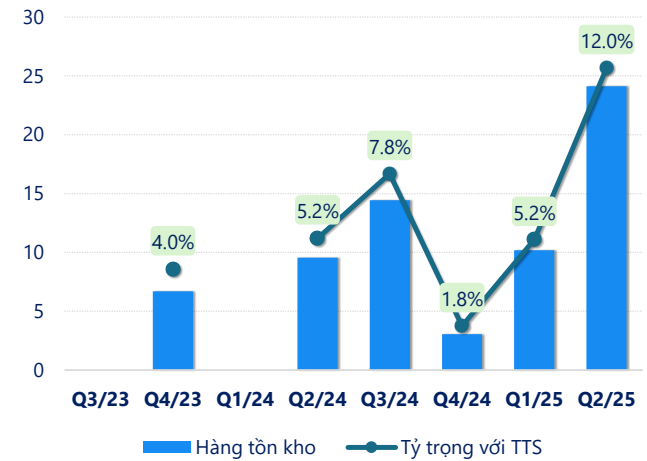
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


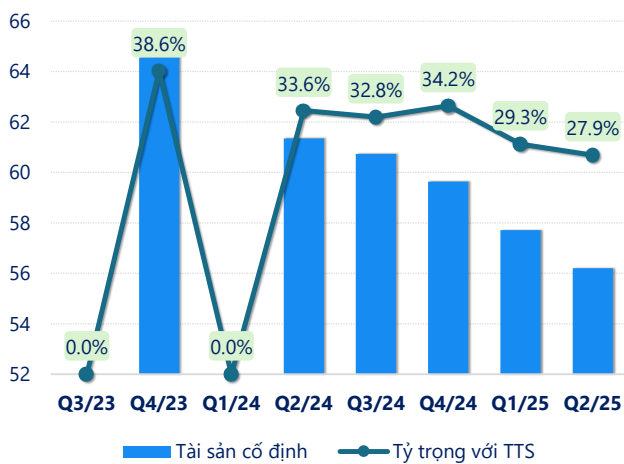
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


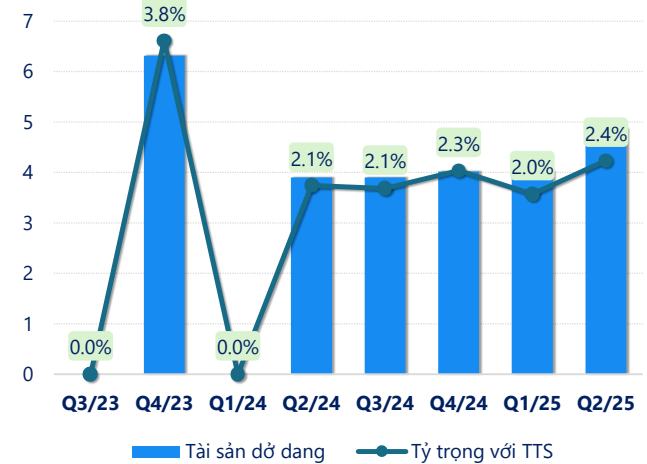
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

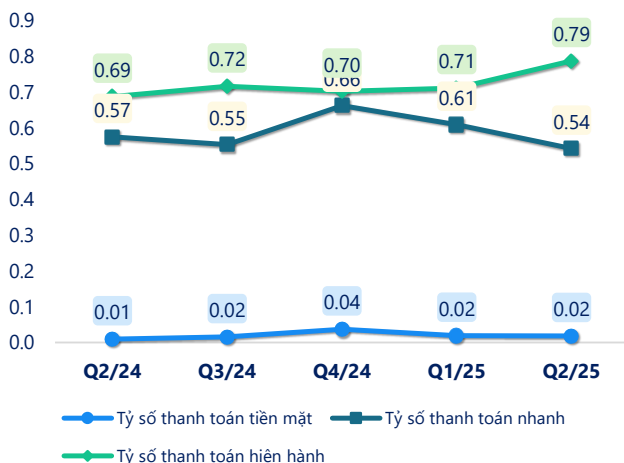
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

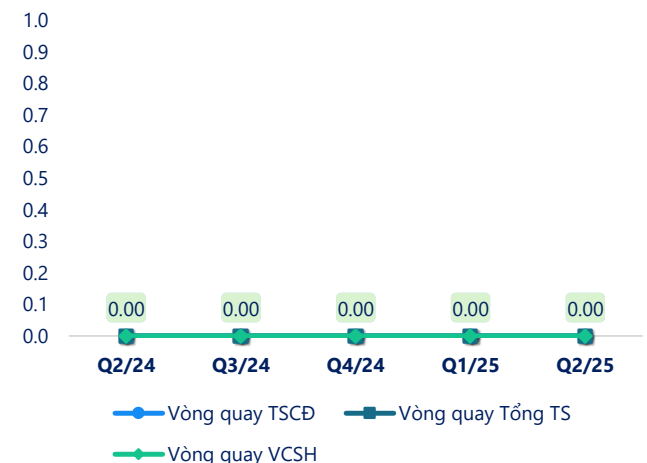
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	183	185	174	197	201
Tài sản ngắn hạn	58.4	63.3	53.9	70.6	77.5
Tiền và tương đương tiền	0.80	1.37	2.84	1.92	1.84
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.77	2.77	2.77	2.77	2.77
Phải thu ngắn hạn	40.6	41.7	42.6	51.3	47.2
Hàng tồn kho	9.55	14.4	3.05	10.2	24.1
Tài sản ngắn hạn khác	4.71	3.05	2.71	4.52	1.54
Tài sản dài hạn	124	122	120	126	124
Phải thu dài hạn	47.7	48.0	47.7	53.8	53.4
Tài sản cố định	61.3	60.7	59.6	57.7	56.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.90	3.90	4.02	4.02	4.87
Đầu tư tài chính dài hạn	1.38	0.48	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	9.83	8.96	9.06	10.7	9.30
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	93.5	95.1	82.5	103	101
Nợ ngắn hạn	85.0	88.4	76.9	99.3	98.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	40.8	41.2	40.7	40.7	61.5
Phải trả người bán ngắn hạn	20.6	17.9	10.4	20.3	14.4
Nợ dài hạn	8.53	6.72	5.62	4.15	2.73
Vay và nợ thuê dài hạn	6.96	5.11	3.98	2.46	1.02
Nguồn vốn chủ sở hữu	89.1	90.2	91.9	93.4	100
Vốn chủ sở hữu	89.1	90.2	91.9	93.4	100
Vốn điều lệ	55.4	55.4	55.4	55.4	55.4
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)